

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61 /2024/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 14 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định thời gian, nội dung thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 504/TTr-STNMT ngày 31 tháng 10 năm 2024 và Báo cáo số 690/BC-STNMT ngày 08 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thời gian, nội dung thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 11 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *he*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư Pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo Phú Yên, Đài PT-TH Phú Yên;
- Trung tâm Truyền thông - VP UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC, KT, Phg, Cg 24.02.140

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Chữ*

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyên Thảo



QUY ĐỊNH

Thời gian, nội dung thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên
(Kèm theo Quyết định số 6A./2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về thời gian, nội dung thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên để chi tiết nội dung tại khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 45, khoản 2 Điều 46, khoản 4 Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, nông nghiệp và cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước khác có liên quan.
- Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC BƯỚC THỦ TỤC CƯỖNG CHẾ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT DO CÓ NGUY CƠ ĐE DỌA ĐẾN TÍNH MẠNG CON NGƯỜI VÀ TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN VIỆC CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG DƯỚI 02 HA ĐỐI VỚI ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

Điều 3. Thời gian thực hiện các bước thủ tục cưỡng chế

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất. Quyết định cưỡng chế phải được thi hành trong thời hạn 04 ngày kể từ ngày người bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế hoặc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản về việc người bị cưỡng chế vắng mặt hoặc người bị cưỡng chế từ chối nhận quyết định cưỡng chế.
- Trước khi tiến hành cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 89 Luật Đất đai.
- Ban cưỡng chế thu hồi đất vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế; nếu người bị cưỡng chế chấp hành thì Ban cưỡng chế thu hồi đất lập biên

bản ghi nhận sự chấp hành. Việc bàn giao đất được thực hiện không quá 05 ngày kể từ ngày lập biên bản.

Trường hợp người bị cưỡng chế không chấp hành quyết định cưỡng chế thì Ban cưỡng chế thu hồi đất tổ chức thực hiện cưỡng chế. Trường hợp có yêu cầu cơ quan Công an tham gia bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế thì Cơ quan chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế phải gửi văn bản đến cơ quan Công an trước thời điểm cưỡng chế không quá 05 ngày làm việc để bố trí lực lượng.

4. Trường hợp cần thiết thì thời gian thực hiện tại các khoản tại Điều này giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cụ thể thời gian thực hiện các bước nhưng không vượt quá thời gian quy định tại Điều này.

Điều 4. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư

1. Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;
2. Có phương án sử dụng tầng đất mặt khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp.
3. Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chương III

THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC BƯỚC CÔNG VIỆC VỀ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 5. Thời gian thực hiện các bước công việc điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất trong bảng giá đất

Khi có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có nội dung làm thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 116 Luật Đất đai và Người sử dụng đất nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì các cơ quan nhà nước thực hiện các bước công việc như sau:

1. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai giao Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai, lập trích lục bản đồ địa chính thửa đất và rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa: 03 ngày.
2. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 01 ngày.

3. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 02 ngày.

4. Sau khi nhận quyết định điều chỉnh của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai chuyển thông tin địa chính thửa đất cho cơ quan thuế trong ngày.

5. Sau khi nhận thông tin địa chính thửa đất của Cơ quan có chức năng quản lý đất đai thì Cơ quan thuế xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định, ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho người sử dụng đất: 02 ngày.

6. Sau khi Người sử dụng đất hoàn thành nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định, Cơ quan thuế xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và gửi thông báo kết quả cho Cơ quan có chức năng quản lý đất đai trong ngày.

7. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình cấp có thẩm quyền ký cấp Giấy chứng nhận (nếu có); ký hợp đồng thuê đất (nếu có); bàn giao đất trên thực địa (nếu có); Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính: 02 ngày.

8. Đối với các hồ sơ thuộc các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện tại các khoản 1, 2, 3, 5, 7 Điều này được tăng thêm 01 ngày.

Điều 6. Thời gian thực hiện các bước công việc điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất

Khi có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có nội dung làm thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 116 Luật Đất đai, đơn xin điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 02d tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ và hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện các bước công việc như sau:

1. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai giao Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai, lập trích lục bản đồ địa chính thửa đất và rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa: 03 ngày làm việc.

2. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 01 ngày làm việc.

3. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 02 ngày làm việc.

4. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình cấp có thẩm quyền ký cấp Giấy chứng nhận (nếu có); bàn giao đất trên thực địa (nếu có); Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính: 02 ngày làm việc.

5. Đối với các hồ sơ thuộc các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này được tăng thêm 01 ngày làm việc.

Điều 7. Thời gian thực hiện các bước công việc điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất cụ thể

Khi có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có nội dung làm thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 116 Luật Đất đai, đơn xin điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 02d tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ và hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện các bước công việc như sau:

1. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai giao Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai, lập trích lục bản đồ địa chính thửa đất và rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa: 03 ngày.

2. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 01 ngày.

3. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 02 ngày.

4. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tổ chức việc xác định giá đất cụ thể, trình và cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt giá đất cụ thể theo quy định.

5. Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt giá đất cụ thể thì Cơ quan thuế xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định, ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho người sử dụng đất: 02 ngày.

6. Sau khi Người sử dụng đất hoàn thành nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định, Cơ quan thuế xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và gửi thông báo kết quả cho Cơ quan có chức năng quản lý đất đai trong ngày.

7. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình cấp có thẩm quyền ký cấp Giấy chứng nhận (nếu có); ký hợp đồng thuê đất (nếu có); bàn giao đất trên thực địa (nếu có);

Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính: 02 ngày.

8. Đối với các hồ sơ thuộc các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện tại các khoản 1, 2, 3, 5, 7 Điều này được tăng thêm 01 ngày.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH ĐỂ GIAO ĐẤT KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁ NHÂN

Điều 8. Điều kiện để được xét giao đất ở không qua đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân

Ngoài các điều kiện được quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3, khoản 6 Điều 124 Luật Đất đai và khoản 2 Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai có thời gian công tác tại cơ quan thuộc địa bàn cấp huyện (*nơi xin giao đất*) có tổng thời gian công tác tối thiểu 05 năm.

2. Cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai có thời gian công tác tại cơ quan thuộc địa bàn xã (*nơi xin giao đất*) tối thiểu 05 năm.

Điều 9. Trình tự, thủ tục thẩm định giao đất ở không qua đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (sau đây gọi là Hội đồng xét duyệt), Hội đồng xét duyệt có trách nhiệm họp, xét duyệt hồ sơ xin giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất của các cá nhân đã nộp.

Hội đồng xét duyệt lập Biên bản họp xét, ghi ý kiến các thành viên, kết luận của Chủ tịch Hội đồng và ký tên đầy đủ các thành viên Hội đồng vào Biên bản. Trên cơ sở Biên bản họp xét, Chủ tịch Hội đồng xét duyệt có văn bản thông báo kết quả thẩm định, lập danh sách các cá nhân đủ điều kiện kèm theo vị trí, diện tích thửa (lô) đất được giao và lập danh sách các cá nhân không đủ điều kiện được xét giao đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất trong đó nêu rõ lý do.

2. Chủ tịch Hội đồng xét duyệt tổ chức công khai, niêm yết Thông báo kết quả thẩm định và Danh sách các cá nhân đủ điều kiện và các cá nhân không đủ điều kiện được xét giao đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Trụ sở thôn/buôn/khu phố nơi có đất để tiếp nhận ý kiến của công dân trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày công khai.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo kết thúc niêm yết công khai, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Quy định này, kèm theo Tờ trình về việc giao đất (*mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-*

CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc giao đất ở cho các cá nhân đối với trường hợp đủ điều kiện.

4. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

Điều 10. Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện giao đất ở không qua đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân

Hồ sơ giao đất ở không qua đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm:

1. Đơn xin giao đất (Mẫu số 02a ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ).

2. Bản sao có chứng thực Quyết định tuyển dụng, điều động, điều chuyển công tác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai.

3. Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi công tác về việc cá nhân đang còn công tác tại cơ quan, đơn vị đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai.

4. Trích lục bản đồ địa chính thửa (lô) đất được cơ quan có thẩm quyền ký duyệt. Trường hợp phải thực hiện trích đo địa chính thửa (lô) đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn cá nhân đủ điều kiện bổ sung trích đo địa chính thửa đất theo quy định.

5. Biên bản họp xét duyệt của Hội đồng xét duyệt.

6. Văn bản thông báo kết quả xét duyệt và danh sách các cá nhân được xét giao đất của Hội đồng xét duyệt.

7. Thông báo công khai và kết thúc niêm yết công khai.

8. Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị giao đất ở cho cá nhân đối với các trường hợp đủ điều kiện (mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tham mưu UBND tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

Hướng dẫn các vướng mắc liên quan đến quy định pháp luật về trồng trọt, lâm nghiệp và các lĩnh vực quản lý khác thuộc sở;

3. Các Sở, ban, ngành, tổ chức có liên quan: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến các nội dung liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị khi có đề nghị.

4. UBND cấp huyện:

Thực hiện các nội dung về quản lý và sử dụng đất đai tại địa phương theo đúng quy định pháp luật.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với diện tích, loại đất bố trí để giao đất; sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu được phê duyệt.

Kiểm tra, theo dõi, giám sát việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt theo nội dung Phương án sử dụng tầng đất mặt đã được chấp thuận.

5. UBND cấp xã:

Thực hiện các nội dung về quản lý và sử dụng đất đai tại địa phương theo thẩm quyền.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác về đối tượng, vị trí, diện tích, loại đất được xét giao đất.

Theo dõi, giám sát việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt theo nội dung Phương án sử dụng tầng đất mặt đã được chấp thuận.

6. Người sử dụng đất:

Người sử dụng đất có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật đất đai và quy định hiện hành.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các trường hợp không có trong Quy định này hoặc các trường hợp đã có trong Quy định này nhưng chưa phù hợp với thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo, đề xuất gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.